

CHỦ ĐỀ

MỘT SỐ TÁC GIẢ VĂN HỌC HIỆN ĐẠI NAM ĐỊNH TIÊU BIỂU (Phần 2)

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết được tiểu sử, sự nghiệp, thành tựu của một số tác giả văn học hiện đại Nam Định tiêu biểu.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm, giá trị nội dung, nghệ thuật một số tác phẩm của tác giả văn học hiện đại Nam Định tiêu biểu.
- Biết trân trọng, tự hào về di sản văn học hiện đại Nam Định.
- Vận dụng được những hiểu biết về văn học hiện đại để đọc hiểu và viết về văn học hiện đại Nam Định.

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Nam Định – Lớp 8

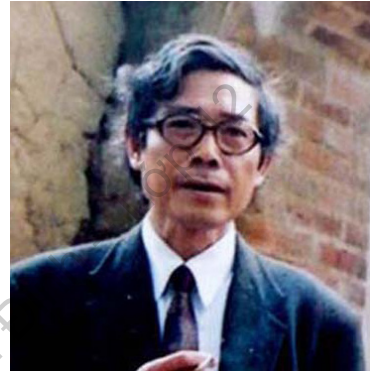
1

Tác giả

Nhà thơ Bế Kiến Quốc sinh ngày 19/5/1949 tại Nam Định, mất ngày 25/6/2002 tại Hà Nội. Ông nguyên là học sinh khóa 1963 – 1966, trường cấp 3 Lê Hồng Phong, Nam Định (nay là THPT chuyên Lê Hồng Phong, Nam Định). Bế Kiến Quốc có năng khiếu thơ văn từ nhỏ. Ông sáng tác thơ khi còn rất trẻ và ghi dấu ấn với giải Nhì cuộc thi thơ của Tuần báo Văn nghệ khi mới 20 tuổi.

Bế Kiến Quốc là một trong những tài năng của thế hệ những nhà thơ trưởng thành từ thời kì chống Mĩ và sớm có ý thức đổi mới thi ca sau chiến tranh. Ông từng là trưởng ban thơ, thư kí toà soạn của Tuần báo Văn nghệ, Tổng biên tập Báo Người Hà Nội. Năm 2012, ông được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Tác phẩm chính: *Những dòng sông* (thơ, in chung, 1979), *Chú ngựa mã sao* (truyện thơ thiếu nhi, 1979), *Dòng suối thần kì* (truyện thơ thiếu nhi, 1984), *Cuối rễ đầu cành* (thơ, 1994), *Mãi mãi ngày đầu tiên* (thơ, 2002), *Đất hứa* (thơ, 2003).



Nhà thơ Bế Kiến Quốc



Bế Kiến Quốc rất có tâm trong việc dìu dắt các tác giả mới bước vào con đường viết văn. Hội Văn học Nghệ thuật Hà Nam Ninh (sau này là Hội Văn học nghệ thuật Nam Hà, Hội Văn học nghệ thuật Nam Định) đã nhiều lần mời nhà thơ về bồi dưỡng năng khiếu viết văn cho thiếu nhi tỉnh Nam Định.

2

Tri thức đọc hiểu

Thơ tự do

Thơ tự do là thể loại chỉ mới xuất hiện trong văn học hiện đại. Khác với thơ cách luật, thơ tự do không bị ràng buộc vào các quy tắc nhất định về số câu, số chữ, niêm, luật, vần, đối,... Khác với thơ văn xuôi, văn bản thơ tự do có phân dòng và xếp song song thành hàng, thành khổ như những đơn vị nhịp điệu. Tuy xếp thành hàng, thành khổ, nhưng các khổ thơ trong bài thơ không bắt buộc phải giống nhau về số lượng câu và các câu trong một khổ thơ, bài thơ không bắt buộc phải giống nhau về số chữ. Thơ tự do cũng cho phép đan xen nhiều thể thơ khác nhau trong cùng một văn bản. Với những đặc điểm trên, thơ tự do cho phép tác giả biểu đạt ý tưởng và cảm xúc của mình một cách tự nhiên, phóng túng nhất.

Quan niệm về thơ của Bế Kiến Quốc

Nhà thơ Bế Kiến Quốc từng tự bạch: “Theo tôi, thơ có giá trị là thơ phải nâng cao tâm hồn con người. Những nhà thơ thành công là những nhà thơ nói được tiếng nói của thời đại, của đất nước, chứ không phải những nhà thơ chỉ có “kỹ thuật cao”. Và, điều quan trọng là thơ phải luôn luôn hướng về phần sáng của cuộc đời...”.

“Luôn hướng về phần sáng của cuộc đời” là điều mà nhà thơ tâm niệm và gửi gắm trong hàng loạt bài thơ: *Tự nhủ*, *Có một người đợi tôi*, *Ngợi ca ngọn lửa*, *Đã nghe chùng xuân tới*, *Hãy nhìn anh như nhìn một dòng sông*,...



Em hãy sử dụng Internet hoặc tra cứu tài liệu để tìm hiểu thêm về quan niệm thơ của Bế Kiến Quốc; ghi lại những câu em cho là tiêu biểu.

3 Văn bản Cuối rẽ đầu cành

Vươn mãi vào bề sâu
Cái rẽ non tìm đường cho cây
Qua sỏi đá có khi tước máu.

Hương mãi lên chiều cao
Cái cành non vượt mưa đông nắng hạ
Nảy chiếc lá như người sinh nở.

Ai đang ngời hát trước mùa xuân
Cuộc đời như thể tự nhiên xanh
Chỉ có đất yêu cây thì đất biết
Những con đâu nơi cuối rẽ đầu cành...

(Bế Kiến Quốc – Tác phẩm văn học được giải thưởng Nhà nước, NXB Hội nhà văn, 2014, Trang 17-18.)



Tập thơ “Cuối rẽ đầu cành”

4

Câu hỏi đọc hiểu

1. Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.
2. Chỉ ra và phân tích những từ ngữ, hình ảnh diễn tả “nỗi đau của rễ” được tác giả miêu tả trong khổ thơ thứ nhất.
3. Nỗi đau nơi đâu cành được tác giả thể hiện trong khổ thơ nào? Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:
*Cái cành non vượt mưa đông nắng hạ
Nảy chiếc lá như người sinh nở.*
4. Em hiểu như thế nào về hình ảnh: “Ai đang ngồi hát trước mùa xuân”? Theo em, thông điệp nghệ thuật mà tác giả gửi gắm trong khổ thơ cuối là gì?
5. Qua văn bản “Cuối rễ đầu cành”, em rút ra được bài học sâu sắc gì cho bản thân?



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Lựa chọn phương án trả lời đúng

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản là gì?

- A. Trữ tình B. Biểu cảm C. Miêu tả D. Tự sự

Câu 2: Biện pháp tu từ xuất hiện trong khổ thơ thứ nhất là gì?

- A. So sánh B. Nhân hóa C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

Câu 3: Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: “*Nảy chiếc lá như người sinh nở*” là:

- A. Tăng sự lôi cuốn, hấp dẫn.
B. Gọi hình cho hành trình sinh sôi, nảy nở của cây.
C. Giúp người đọc hình dung quá trình sinh trưởng của cây phải vượt qua bao khó khăn để vươn lên như con người trải qua kì sinh nở.
D. Tất cả các phương án.

2. Viết một đoạn văn khoảng 8 – 10 dòng nêu suy nghĩ của em về triết lí sống được gợi ra từ văn bản.

1 Tác giả

Nhà thơ Bình Nguyễn Trang tên thật là Vũ Thị Quỳnh Trang, sinh năm 1977 tại Phú Thọ, quê quán xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Chị là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, hiện công tác tại Báo Nhân Dân.

Bình Nguyễn Trang sáng tác văn học từ rất sớm, từng đoạt giải Nhất cuộc thi *Tác phẩm tuổi xanh* của báo Tiền Phong năm 1997 và Giải B của Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam năm 2012.

Tác phẩm đã xuất bản, gồm 4 tập thơ: *Lối về* (1995), *Chỉ em và chiếc bình pha lê biết* (2003), *Những bông hoa đang thien* (2012), *Những người đàn bà trở về* (2016) và 06 tập văn xuôi: *Chuyến tàu thời gian* (Truyện, 2000), *Sông của nhiều bờ* (Kí chân dung, 2012), *Tìm trong cõi người* (Kí chân dung, 2012), *Mùa đom đóm mở hội* (Tập truyện ngắn, 2013), *Hoa gạo cuối trời* (Tản văn, 2016), *Sống mãi trên quê hương anh hùng* (Truyện kí, 2020).



Nhà thơ
Bình Nguyễn Trang



Hoa gạo là loài hoa đặc trưng của tháng Ba. Bình Nguyễn Trang viết nhiều về hoa gạo đến nỗi bạn đọc phải đặt tên cho chị là “Nhà thơ của tháng Ba”.

2 Tri thức đọc hiểu

Nhà thơ của tháng Ba

Bình Nguyễn Trang tâm sự:

“Tôi yêu loài hoa này bằng một tình yêu rất khó gọi thành lời. Tôi nhớ những ngày tháng ba mưa phùn rét mướt, cái mùa đói khổ khó ở nông thôn, cũng là mùa hoa gạo bung đỏ một góc trời, như khát vọng của những phận người nơi quê nghèo, luôn muốn vươn lên, bay lên khỏi hiện thực mình đang sống”.

(Bình Nguyễn Trang)

Với Bình Nguyễn Trang, trong hình ảnh bông hoa gạo có hình ảnh của bà, của mẹ, của chị, một hình ảnh rất thân phận, vừa cam chịu, vừa không bằng lòng với



Hoa cứ rơi như mắt người lửa cháy
Kí ức nằm nghiêng xa thẳm một chân trời...
(Bình Nguyễn Trang)

số phận. Khi Bình Nguyên Trang viết một bài thơ về quê hương, về mẹ, màu đỏ của bông hoa gạo cứ chập chờn như một kí tự nghệ thuật để chị gửi gắm, kí thác những tình cảm của mình – một người cầm bút đi ra từ làng quê: *“Hoa gạo đỏ/ Người cầm biển quê nhà trong hồn tôi/ Mùa rưng rưng khói/ rom rạ ú/ ngày không phớt xá/ cho tôi về nhận mặt cố hương”*.

Nỗi đau đau của một người viễn xứ

Nhà thơ Bình Nguyên Trang sinh ở Việt Trì, Phú Thọ nhưng tuổi thơ của chị lại gắn bó với mảnh đất Hải Hậu, Nam Định. Hải Hậu, quê cha, cũng là quê mẹ, là nơi chị học bài học đầu tiên. Bình Nguyên Trang tâm sự: *“Có thể nói, ám ảnh suốt tuổi thơ đi học của tôi là không gian của vùng đồng bằng Bắc Bộ, với cánh đồng xanh mướt, với bờ đê đầy hoa sài đất nở vàng, với những con đò xuôi ngược trên bến sông và những phận người lam lũ. Sau này dù đi xa, nhưng lúc nào tôi cũng nhớ về làng quê của mình,...”*.

Lên mười tuổi, Trang đã phải xa nhà đi học trường năng khiếu của huyện. Phố huyện nghèo với những con người lam lũ trở thành quê hương của chị: *“Phố huyện mình đêm mùa đông rất vắng/ lam lũ những cuộc đời hằn vết bánh xe”* (Phố huyện).

Mười lăm tuổi, Bình Nguyên Trang rời quê lên học trường chuyên của tỉnh. Quê hương mở dần ra với những con phố cổ, những dãy nhà rêu phong, hồ Vị Xuyên thơ mộng, bến Đò Quan thưa thớt tiếng gọi đò,... Mười tám tuổi, cô bé giỏi thơ văn ấy lại khăn gói lên Hà Nội học đại học, rồi tốt nghiệp, đi làm. Thủ đô hoa lệ với hàng núi công việc níu kéo bàn chân chị. Đường về quê theo đó, cứ dài thêm. Quê hương trở thành niềm thương nỗi nhớ, thành nỗi đau đau trở về:

“Tôi đi xa để gần gũi ngàn năm/Nỗi đau đau của một người viễn xứ/Ngày đang mới trong một chiều đã cũ/Gọi tên mùa trong tiếng lá dầm xanh” (Mỗi tháng Ba về). Có khi, nỗi đau đau trong lòng ấy đã cất lên thành lời, thành tiếng gọi trở về đầy thiết tha: *“Về quê đi em mà rõ hình hài/ mà hoang sơ một tình yêu mặt đất/mà buồn tênh một gương mặt thật/ một bàn chân tõe ngón ruộng đồng...”* (Về quê).



Em hãy tìm đọc những bài thơ của tác giả Bình Nguyên Trang viết về quê hương Nam Định và ghi lại những vần thơ mà em tâm đắc nhất.



Ý thơ của Bình Nguyên Trang gợi cho em nhớ đến lời bài hát nào? Em hãy hát lên giai điệu bài hát đó.

3

Văn bản Về phố cũ

Lại về nghe bầy chim ngói
Hót vô tư trên phố nhà
Cây bàng đang mùa khoe quả
Thành Nam những ngày đi xa

Nắng lên nồng nàn mùa hạ
Vị Xuyên sóng sánh nước hồ
Con đường ngày xưa đi học
Có già qua những nắng mưa

Im lặng mà nhìn ban trưa
Phố cổ nằm mơ màng ngủ
Rêu phong ngàn năm không cũ
Sao bóng tôi lại xa mờ

Tôi đi qua một bài thơ
Cháy lên một ngàn mong nhớ
Nỗi buồn nhẹ như hơi thở
Lan xa trên mái phố già

Tôi không phải người hôm qua
Tôi không phải người sắp tới
Hình như không ai chờ đợi
Mà vẫn tôi người trở về.

(Trích “Chỉ em và chiếc bình pha lê biết”)

4

Câu hỏi đọc hiểu

1. Ấn tượng về phố cũ được tác giả miêu tả qua những hình ảnh nào? Em hãy chỉ ra và phân tích nét đặc sắc trong cách miêu tả của tác giả.
2. Em có nhận xét gì về mạch cảm xúc của bài thơ? (Gợi ý: Hình ảnh về phố cũ được cảm nhận bằng các giác quan khác nhau. Em hãy gọi tên các giác quan đó ở mỗi khổ thơ, từ đó phát hiện sự vận động của mạch cảm xúc trong bài thơ).
3. Nêu cảm nhận của em về tâm trạng của nhân vật trữ tình thể hiện qua khổ thơ: “Tôi đi qua một bài thơ/Cháy lên một ngàn mong nhớ/Nỗi buồn nhẹ như hơi thở/Lan xa trên mái phố già”.
4. Cách nói của tác giả ở khổ thơ cuối có gì đặc sắc? Qua cách nói đó, tác giả muốn khẳng định điều gì?
5. So sánh bài thơ Về phố cũ (Bình Nguyên Trang) với bài thơ Anh về quê cũ (Nguyễn Bính) trong chương trình đã học để thấy được điểm chung và nét riêng của hai bài thơ.



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Lựa chọn phương án trả lời đúng

Câu 1: Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ: “Lại về nghe bầu chim ngói/Hót vô tư trên phố nhà”:

- | | |
|---------------------|--|
| A. Nhân hoá | C. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác |
| B. Ẩn dụ và so sánh | D. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác và nhân hoá |

Câu 2: Cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình khi trở về phố cũ?

- | | | | |
|--------------|----------|---------|-----------|
| A. Vui sướng | B. Lo sợ | C. Buồn | D. Xót xa |
|--------------|----------|---------|-----------|

Câu 3: Dòng nào sau đây nói đúng nhất về mạch cảm xúc của bài thơ?

- A. Nghe, nhìn, ngủ, đi qua, trở về.
- B. Nghe, nhìn, lặng im, buồn, thức tỉnh-khẳng định.
- C. Về, nghe, nhớ, im lặng, ngủ, buồn, chờ đợi, trở về.
- D. Nghe, nhìn, im lặng, buồn, chờ đợi.

2. Giả sử mai này phải xa quê, em sẽ nhớ về điều gì nhất? Em hãy thể hiện điều đó qua một đoạn văn ngắn khoảng 8 – 10 câu hoặc một bài thơ 6 chữ.

1 Tác giả

Nguyễn Đức Mậu sinh năm 1948 ở xã Nam Điền, huyện Nam Trực tỉnh Nam Định. Ông gia nhập quân đội ở tuổi 17 và chiến đấu trong đội hình Sư đoàn 312 ở chiến trường Lào. Sau chiến tranh, ông làm biên tập viên và đi học trường viết văn Nguyễn Du, khoá I. Sau đó, ông làm Trưởng ban tại Ban thơ tạp chí Văn nghệ Quân đội và Phó Chủ tịch Hội đồng thơ - Hội nhà văn Việt Nam.

Nguyễn Đức Mậu là một nghệ sĩ tài ba, với các sáng tác thuộc nhiều thể loại thơ, trường ca, tiểu thuyết, phê bình văn học nhưng có lẽ ông thành công nhất ở lĩnh vực thơ ca.

“Từ hạ vào thu” là tuyển tập gồm 189 bài thơ ghi lại những kí ức về chiến tranh, được qua Nguyễn Đức Mậu sáng tác trước năm 1992. Qua tập thơ, người đọc thấy được những suy nghĩ và cảm xúc của ông về mảnh đất quê hương, về con người, về phong cảnh thiên nhiên và cuộc sống đời thường. Mỗi bài thơ trong “Từ hạ vào thu” thể hiện những rung cảm sâu sắc và những xúc cảm nội tâm tinh tế của nhà thơ.



Nhà thơ Nguyễn Đức Mậu

2 Tri thức đọc hiểu

a. Nghệ trồng lúa nước

Dân tộc Việt từ xa xưa đã quần tụ ở vùng đất cổ thuộc đồng bằng sông Hồng và gắn bó với nghề trồng lúa nước. Trải qua nhiều thời kì phát triển, nghề trồng lúa nước không chỉ làm ra nguồn lương thực nuôi sống con người, mà còn tạo ra không gian văn hoá, bề dày lịch sử mang bản sắc riêng của người Việt như tục thờ cúng tổ tiên (bánh chưng bánh dày...); tục thờ Tứ Pháp (thờ thần mưa, gió, sấm, chớp); đặc biệt là loại hình văn hoá nghệ thuật như: hát chèo, nghệ thuật múa rối

Nam Trực, quê hương của nhà thơ, là vùng đất danh hương, khoa bảng. Em hãy sử dụng mạng internet và tra cứu sách, báo để tìm và ghi lại một số thông tin về các trạng nguyên của vùng đất này.

Nguyễn Đức Mậu gia nhập quân đội ở tuổi 17 và chiến đấu trong đội hình Sư đoàn 312 ở chiến trường Lào. Vì thế tác phẩm “Trường ca Sư đoàn” ông viết tặng Sư đoàn 312 – Sư đoàn Anh hùng. *Viết lên áo lính, viết lên màu cờ*
Viết cùng dấu chân trải nghìn dặm đất
Viết năm chiến tranh, viết ngày gieo hạt
Viết lên trời cao vằng vặc giải Ngân Hà...

nước,... Nghề trồng lúa nước vất vả, phải trải qua nhiều giai đoạn: làm đất (cày bừa đất cho bằng phẳng tối ưu); gieo mạ; cấy lúa và chăm bón cho cây lúa sinh trưởng và trở bông. Cây lúa sinh trưởng qua giai đoạn ngâm ủ len mầm, gieo mạ, cấy lúa con, đẻ nhánh, làm đòng, trở bông và lúa chín. Bông lúa có nhiều hạt, hạt lúa còn gọi là hạt thóc. Quá trình chín của hạt gồm chín sữa, chín sấp và chín hoàn toàn. Hạt lúa bao gồm gạo và vỏ trấu. Vỏ trấu màu vàng nên thường dân gian gọi là hạt vàng, khi xay sát thành hạt gạo thường có màu trắng, sáng bóng như hạt ngọc.

b. Dụng cụ cho nghề trồng lúa nước

Đời sống người nông dân còn nhiều vất vả nhưng nếu nhìn vào công cụ đồng áng, thì gia đình nông dân nào cũng có cả một kho nông cụ, nếu kể và đếm có lẽ không dưới năm chục loại, đủ dùng cho mọi hoạt động nông nghiệp. Đa phần nông cụ được làm từ ba chất liệu kim loại, gỗ và tre. Kim loại chủ yếu là sắt rèn nên lưỡi cuốc, lưỡi xẻng, lưỡi cày, phần còn lại là cán tre hoặc gỗ. Công cụ quan trọng của nhà nông có thể phân thành loại công cụ tra cán dài và ngắn. Cán dài như cuốc, xẻng, mai, thuổng, cào và bô trang,... Cán của những công cụ này ngắn thì 1 mét, dài thì 1,5 mét, cá biệt thì đến 2 mét. Công cụ cán ngắn như liềm, hái, dao ngắn, các loại búa...



Những dụng cụ cho nghề trồng lúa nước

3

Văn bản *Ngợi ca hạt lúa*

Chiếc hạt vàng muôn thửa của đồng quê
Như con thuyền chở tôi qua con đò
Với hạt lúa mẩy tròn, chín tới
Tôi giống trẻ thơ trước bầu sữa căng đầy
Tôi hoá con chim ngói
Tới mùa màng vỗ cánh về đây.

Dạy tôi yêu cái cuốc, cái cày
Lưỡi mòn vẹt qua mùa vỡ đất
Cái hái cái liềm xôn xao mùa gặt
Cha tôi cầm lấp lánh vầng trăng.

Dạy tôi yêu lối ngõ, con đường
Có vết chân trâu nổi về hạt lúa
Dải đê lớn mở rộng vòng tay cỏ
Con sông dài chia nhánh phù sa.

Chiếc hạt vàng của sự ấm no
Như lửa ấm đời đời truyền lại
Nằm ở tay cha nên đồng nên bãi
Nằm trên tay mẹ nên khói cơm chiều
Nằm trên tay em nên câu hát dặt dìu
Nằm ở tay anh hoá tình yêu thực chất
Bàn tay con người mệnh mông mảnh đất
Những đường vân dọc ngang
như dẻ lúa chen dày.

Chiếc hạt vàng bình yên hôm nay
Đã đi qua những dòng sông hung dữ
Cây lúa lên đồng trong mùa mưa lũ
Thân mảnh mai bầy nổi ba chìm
Cây lúa uốn câu trong kì bão gió
Tre vắn cành, mây xám, mặt trời đen.

Mùa lúa chín vàng mang nắng sớm
bừng lên

Tiếng chim gáy rủ đất trời vào mẩy
Tôi đi giữa mùa màng nhiệt đới
Qua Trung Du tới Đồng Tháp xa vời
Vẫn chưa hết màu vàng hạt lúa
Hạt lúa dài theo Đất nước Việt Nam tôi.

(Trích từ "Từ hạ vào thu",
NXB Hội Nhà văn)



Cây lúa, hạt lúa là những hình tượng đẹp trong sáng tác nghệ thuật. Em hãy sử dụng mạng internet và tra cứu sách, báo để ghi lại những câu ca dao, tục ngữ, câu thơ, câu văn, bài hát,... nói về cây lúa, hạt lúa, hạt gạo.



Liềm là một nông cụ cầm tay có lưỡi cong, chuyên dùng để thu hoạch cây lương thực như lúa, khoai hoặc để cắt cỏ làm thức ăn cho gia súc. Do hình dạng của nó, liềm được so sánh với trăng đầu tháng – lưỡi liềm, trở thành hình ảnh trong thơ ca: Lưỡi liềm vàng trên cánh đồng sao (Victor Hugo). Liềm biểu tượng cho vẻ đẹp mặt trăng – thiên tính nữ, cho mùa màng, mùa gặt và sự sinh sôi.

1 Tác giả

Phạm Công Trứ sinh năm 1953, còn có bút danh là Phạm Công, Phạm Thuần Việt, Phạm Thanh Tịnh. Ông quê ở Hải Thanh, Hải Hậu, Nam Định. Ông từng là bộ đội Trường Sơn, cán bộ giảng dạy Đại học Luật Hà Nội, công tác tại báo Pháp Luật Việt Nam. Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Hiện ông đã nghỉ hưu.

Phạm Công Trứ thành công trong sáng tác thơ ca, đặc biệt là thể thơ lục bát. Tiếp nối dòng mạch từ lục bát ca dao, từ lục bát cổ điển, thơ lục bát Phạm Công Trứ mang hương vị riêng độc đáo. Nếu Nguyễn Duy có một lục bát của “chúng sinh” lấm láp pha chút chơi giỡn, Đồng Đức Bốn là một thứ lục bát thậm xưng, thì Phạm Công Trứ tạo ra một thứ lục bát của cái hóm hình nguì nguì. Giọng tự cảm nguì nguì làm thành nét riêng của thơ ông.

Trong cuộc đời sáng tác, nhà thơ Phạm Công Trứ đã xuất bản 5 tập thơ: *Lời thì cỏ may* phần I, II, III từ năm 1990 đến năm 1996; cuốn *Cỏ may thi tập* của ông được xuất bản năm 2000, và tập thơ *Phồn thi (I)* – tập thơ mới nhất của ông do Nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành.

Bài thơ Ba đoạn thơ thu được rút ra từ tập *Lời thì cỏ may*. Trong đó *Đoạn thơ thu thứ nhất* thể hiện rõ nét sắc thu và giọng tự cảm nguì nguì của hồn thơ Phạm Công Trứ.



Nhà thơ Phạm Công Trứ



Ngoài Phạm Công Trứ, nước ta có hai nhà thơ khác có tên Công Trứ. Em hãy sử dụng mạng internet và tra cứu sách, báo để tìm hiểu sự nghiệp của hai nhà thơ này.



Phạm Công Trứ là Phó Giáo sư Tiến sĩ Luật học, Nguyên Trưởng ban Nội chính báo Pháp luật Việt Nam. Ông công tác tại báo Pháp luật – Bộ Tư pháp và còn là giảng viên trường Đại học Luật Hà Nội, hội viên Hội Luật gia Việt Nam, hội viên Hội Nhà Báo Việt Nam. Ông học và bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ năm 1990 tại Liên Xô.

2 Văn bản Ba đoạn thơ thu

Đoạn thơ thu thứ nhất

Mướt tằm sen cũng đi tu

Lá tre đã thả một mùa heo may

Con sông không ốm mà gầy

Mắt em chưa tối đã đầy hoàng hôn

Cuối trời một giọt sao Hôm

Lòng anh vô cố mà buồn đố em.

(Trích từ *Lời thề cỏ may*, Phạm Công Trứ,
NXB Thanh niên, Hà Nội, 1990)



Lời thề cỏ may là bài thơ của Phạm Công Trứ được rất nhiều độc giả yêu thích. Em hãy sử dụng mạng internet và tra cứu sách, báo tìm đọc bài thơ và ghi lại những câu thơ mà em tâm đắc nhất.



Heo may – gió heo may, gió mang hơi lạnh và khô thổi vào mùa thu. Đây là loại gió đặc trưng của miền Bắc, thổi từ hướng Đông Bắc về Việt Nam. Gió heo may thường xuất hiện vào khoảng tháng 9, tháng 10, khi mùa hè bắt đầu kết thúc và mùa thu bắt đầu.

3 Câu hỏi đọc hiểu

1. Xác định thể thơ của văn bản.
2. Tìm tín hiệu của mùa thu qua những hình ảnh thiên nhiên.
3. Những hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ có sự khác biệt gì với hình ảnh thiên nhiên mùa thu trong thơ ca truyền thống: hoa cúc, rừng phong, cây ngô đồng...? Qua đó giúp em hiểu gì về bức tranh mùa thu và con người tác giả?
4. Nhân vật trữ tình đã cảm nhận mùa thu bằng các giác quan nào? Qua đó giúp em hiểu gì về tâm trạng, suy tư của nhân vật trữ tình trước khoảnh khắc mùa thu?
5. Đọc bài thơ có ý kiến cho rằng: *Câu thơ 1, 2, 3 tràn ngập sắc thu nhưng câu thơ 4, 5, 6 thì chưa thấy.* Từ việc đọc hiểu bài thơ trên, em hãy trình bày quan điểm của mình về ý kiến trên.



LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

1. Lựa chọn phương án trả lời đúng

Câu 1: Đề tài của bài thơ là:

- A. Thiên nhiên. B. Tình yêu. C. Mùa thu. D. Quê hương.

Câu 2: Hai câu thơ *Sen tàn cúc lại nở hoa/Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân* (Truyện Kiều – Nguyễn Du), gợi liên tưởng đến câu thơ nào trong bài thơ?

- A. *Mướt tàn sen cũng đi tu* B. *Lá tre đã thả một mùa heo may*
C. *Con sông không ốm mà gầy* D. *Mắt em chưa tối đã đầy hoàng hôn*

Câu 3: Từ *gầy* trong câu thơ *Con sông không ốm mà gầy* có thể hiểu là:

- A. Hẹp. B. Dài. C. Nông. D. Chặt.

2. Từ việc đọc hiểu về bài thơ trên, em hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ phân tích sự độc đáo trong việc sử dụng ngôn từ của nhà thơ.

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Nam Định – Lớp 10